

BÁO CÁO CÁC CHỈ SỐ GIÁM SÁT – ĐÁNH GIÁ

Dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới Việt Nam
(VIAIP)

Thực hiện bởi: PEAPROS Consulting JSC



NỘI DUNG

1. Tóm tắt kết quả Giám sát – Đánh giá dự án
2. Các chỉ số Phát triển toàn dự án
2. Báo cáo các chỉ số Giám sát – Đánh giá của từng tỉnh

TÓM TẮT KẾT QUẢ M&E TOÀN DỰ ÁN

Tất cả các hợp phần của dự án trên toàn bộ 7 tỉnh dự án đã đạt và vượt mục tiêu kế hoạch;

Các hoạt động của HP1 đã đóng góp vào việc đổi mới và từng bước hoàn thiện các tổ chức TLCS, đóng góp công tác HĐH công tác quản lý thủy lợi;

Các hoạt động của HP2 đã góp phần vào việc chủ động nước tưới trong mùa khô hạn giúp đảm bảo năng suất cây trồng;

Các mô hình CSA trồng lúa được đạt kết quả tốt, về năng suất và thu nhập đều cao hơn từ 15-25% so với diện tích đối chứng;

Thúc đẩy chuyển đổi sản xuất nông nghiệp sang các sản phẩm có giá trị cao;

Đo đạc và đánh giá phát thải khí nhà kính (KNK) trong các mô hình nông nghiệp thông minh thích ứng với khí hậu;

Tưới nhỏ giọt cho cây ăn quả trên vùng đất dốc, khô hạn cho hiệu quả tốt trên diện tích lớn;

TÓM TẮT KẾT QUẢ M&E TOÀN DỰ ÁN

Lãnh đạo các BQLDA tỉnh hiểu và ủng hộ yêu cầu của công tác GS-ĐG dự án và tích cực hỗ trợ nhóm tư vấn trong suốt quá trình thực hiện công tác GS-ĐG của dự án;

Công tác thu thập và cập nhật thông tin, số liệu phục vụ công tác GS-ĐG cũng còn gặp khó khăn do số lượng xã hưởng lợi nhiều, các cán bộ đầu mối ở cấp xã lại hay thay đổi công tác;

Ở cấp BQLDA tỉnh, cán bộ đầu mối về GS-ĐG cũng thường xuyên có sự thay đổi/luân chuyển nên số liệu thống kê gửi tới BQLDA tỉnh đôi khi không thống nhất, chưa đáp ứng được yêu cầu;

Một số cơ sở hạ tầng của các mô hình CSA chưa phát huy tối đa khả năng, hoặc chưa sử dụng có hiệu quả (Hà Giang, Hoà Bình, Hà Tĩnh);

Các chỉ số Giám sát – Đánh giá toàn dự án

Các chỉ số mục tiêu phát triển

| Chỉ số | Mục tiêu đến 31/12/2020 | Thực hiện 30/06/2021 | Tỷ lệ TH/KH (%) |
|---|----------------------------|-------------------------|-----------------|
| P1 - Số hộ hưởng lợi trực tiếp (hộ) | 243.000 | 245.067 | 100,85 |
| P2 - Diện tích được cung cấp dịch vụ tưới tiêu cải thiện (ha) | 83.425 | 93.100 | 111,6 |
| P3 - Số người sử dụng nước được cung cấp dịch vụ tưới tiêu cải thiện | 674.800 | 933.445 | 138,33 |
| P4 - Số người sử dụng nước được cung cấp dịch vụ tưới tiêu cải thiện (nữ) | 336.700 | 473.447 | 140,61 |
| P5 - Số người sử dụng nước được cung cấp dịch vụ tưới tiêu cải thiện (nam) | 338.100 | 459.998 | 136,05 |
| P6 - Số hộ trong vùng dự án áp dụng kỹ thuật sản xuất cải thiện | 15.700 | 29.563 | 188,30 |
| P7 - Số Tổ chức dùng nước được thành lập và/hoặc củng cố | 20 | 42 | 210,00 |

Các chỉ số Giám sát – Đánh giá toàn dự án

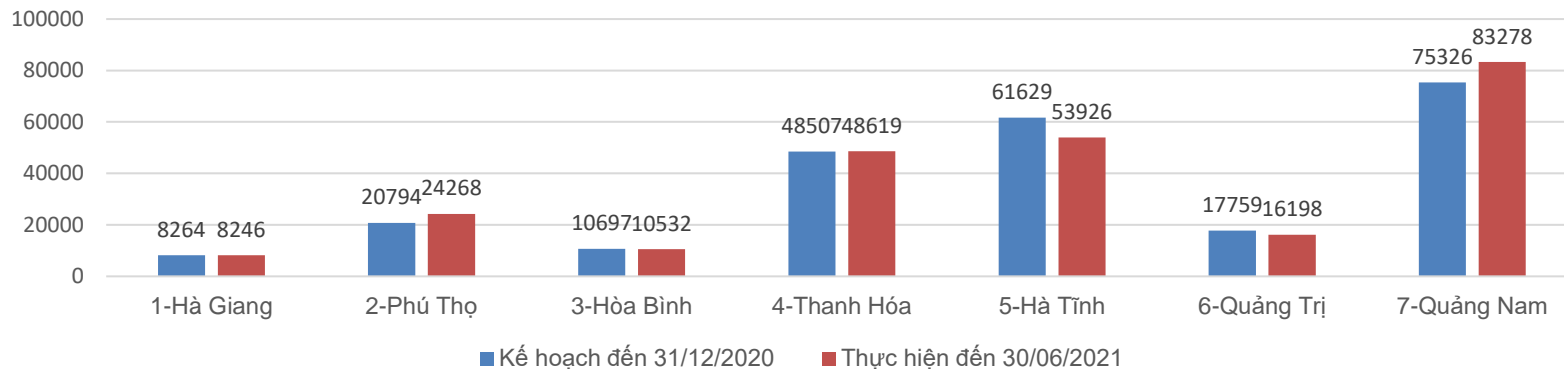
Các chỉ số trung gian

| Chỉ số | Mục tiêu đến 31/12/2020 | Thực hiện 30/06/2021 | Tỷ lệ TH/KH (%) | |
|--|----------------------------|-------------------------|--------------------|--------|
| HP 1.1 - Mỗi tỉnh xây dựng và thực hiện kế hoạch 5 năm và kế hoạch hiện đại hóa nông nghiệp có tươi hàng năm | 7 | 7 | 100 | |
| HP 1.3 - Thiết lập và thực hiện các thỏa thuận WUA – PIM | 20 | 42 | 210,00 | |
| HP 1.4 - Tỷ lệ gia tăng các WUA hài lòng với dịch vụ mà Công ty KTCTTL cung cấp | 90 | 90,1 | 100,1 | |
| HP 2.1 - Diện tích được cung cấp dịch vụ tưới tiêu cải thiện | 83.425 | 93.100 | 111,6 | |
| HP 2.2 - Tăng năng suất cây trồng vùng dự án | Lúa đông – xuân | 0,540 | 0,544 | 100,79 |
| | Lúa hè – thu | 0,570 | 0,640 | 111,78 |
| | Ngô | 0,290 | 0,29 | 100,00 |
| HP 2.3 - Tăng cường độ tưới | 205 | 205,43 | 100,21 | |
| HP 3.1 Tổ chức các lớp Đào tạo trên đồng ruộng FFS | 670 | 706 | 103,43 | |
| HP 3.2 - Diện tích canh tác theo ICM | 20.000 | 20.891 | 104,46 | |
| HP 3.3 - Các mô hình Công nghệ hệ thống canh tác mới được áp dụng | 28 | 49 | 175,00 | |
| HP3.4 - Diện tích tưới nhỏ giọt/tưới phun (ha) | *698 | 379,5 | | |

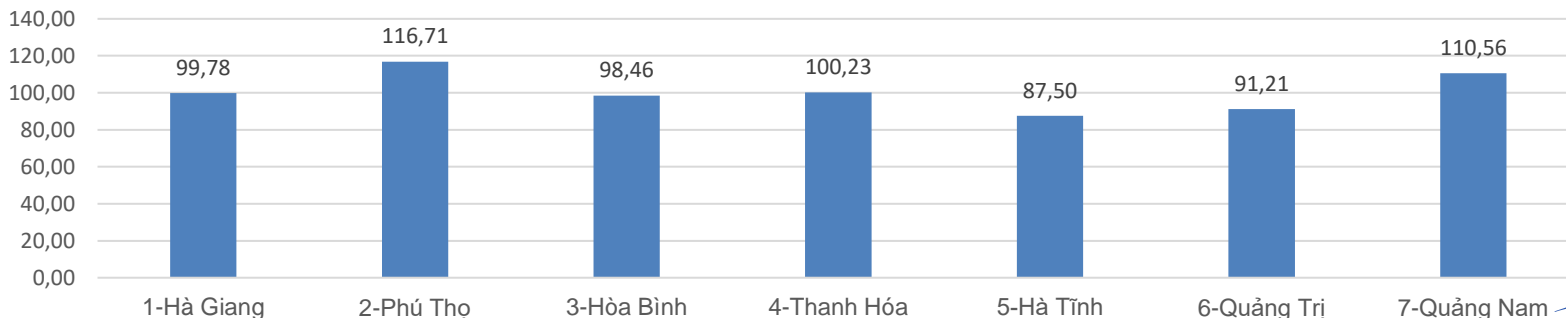
Các chỉ số mục tiêu phát triển theo từng tỉnh

P1 - Số hộ hưởng lợi trực tiếp

Số hộ hưởng lợi trực tiếp theo kế hoạch và thực tế (hộ)



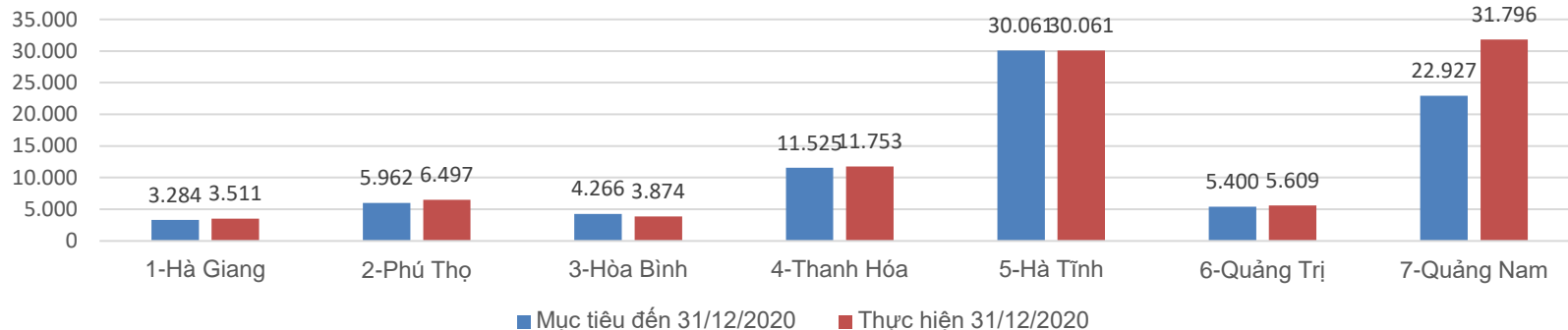
Tỉ lệ TH/KH (%)



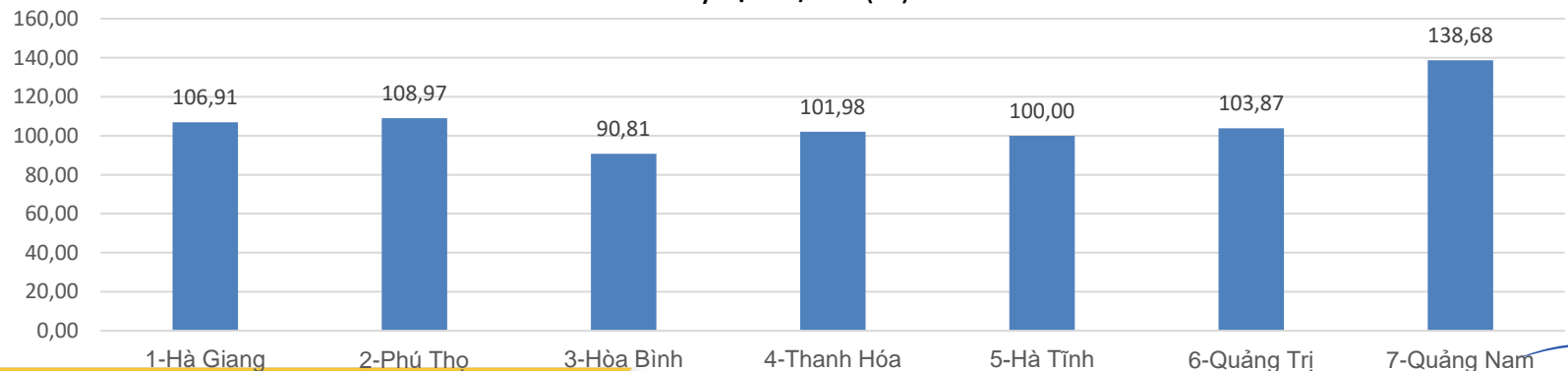
Các chỉ số mục tiêu phát triển theo từng tỉnh

P2 - Diện tích được cung cấp dịch vụ tưới tiêu cải thiện (ha)

Diện tích được cung cấp dịch vụ tưới tiêu cải thiện (ha)



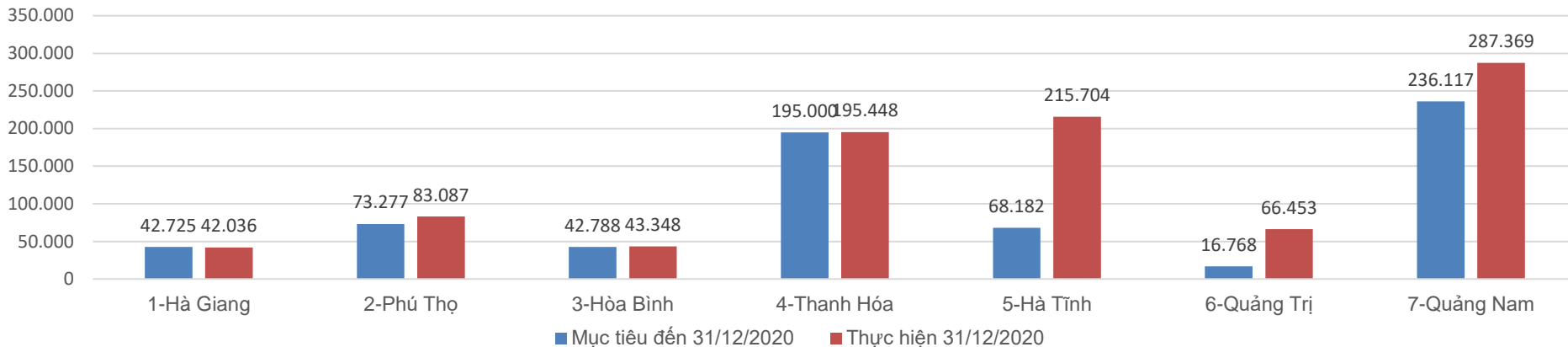
Tỷ lệ TH/KH (%)



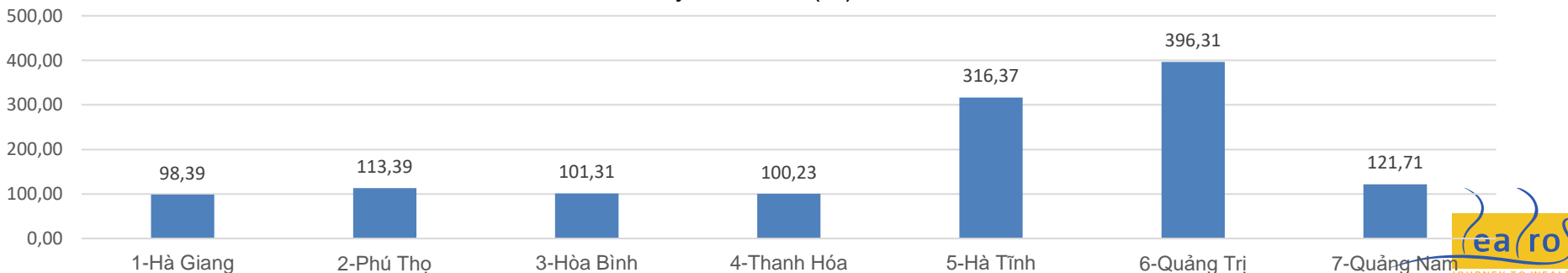
Các chỉ số mục tiêu phát triển theo từng tỉnh

P3 - Số người sử dụng nước được cung cấp dịch vụ tưới tiêu cải thiện

Số người sử dụng nước được cung cấp dịch vụ tưới tiêu cải thiện (người)



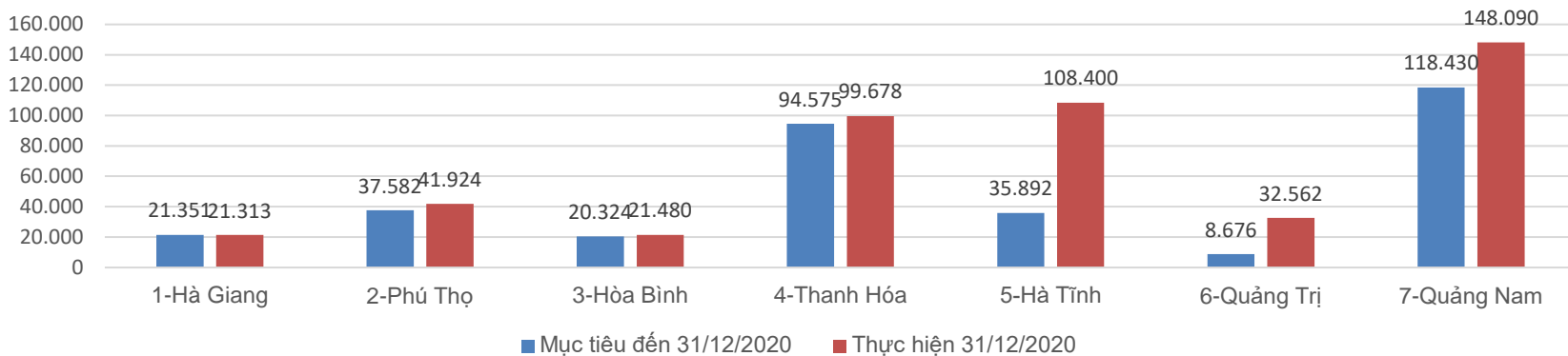
Tỷ lệ TH/KH (%)



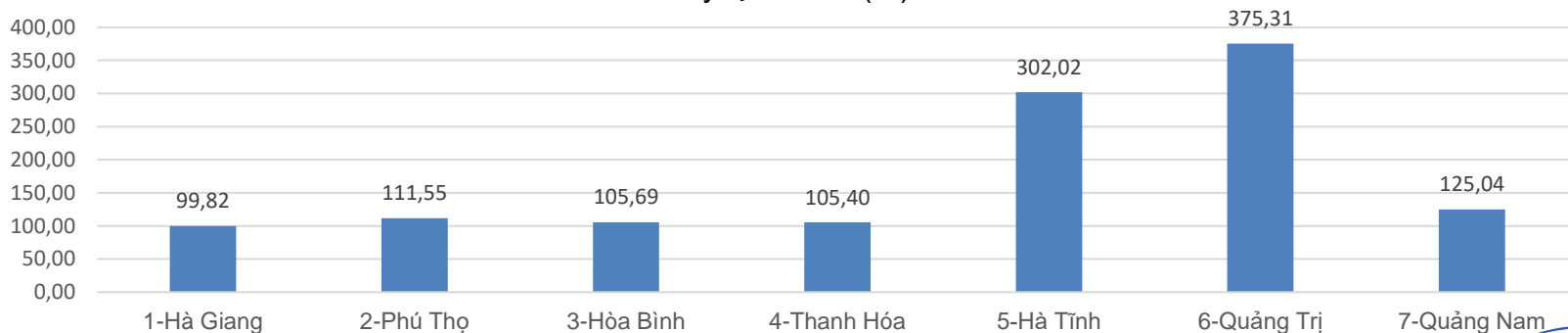
Các chỉ số mục tiêu phát triển theo từng tỉnh

P4 - Số người sử dụng nước được cung cấp dịch vụ tưới tiêu cải thiện (nữ)

Số người sử dụng nước được cung cấp dịch vụ tưới tiêu cải thiện (nữ)



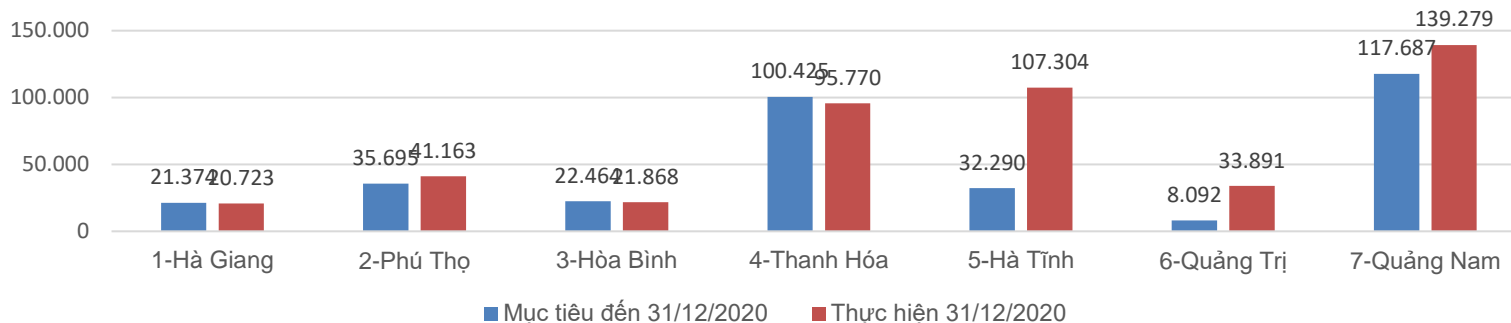
Tỷ lệ TH/KH (%)



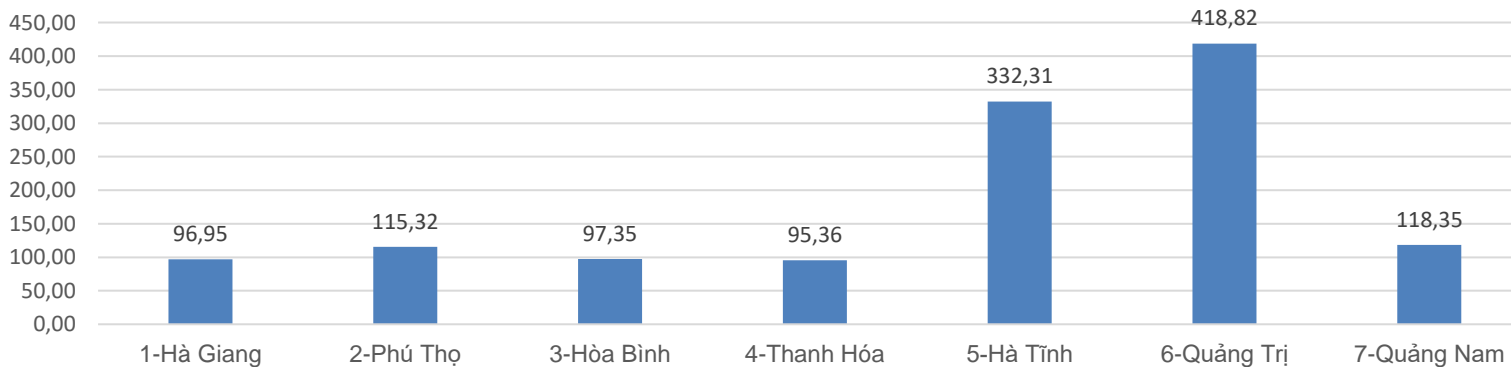
Các chỉ số mục tiêu phát triển theo từng tỉnh

P5 - Số người sử dụng nước được cung cấp dịch vụ tưới tiêu cải thiện (nam)

Số người sử dụng nước được cung cấp dịch vụ tưới tiêu cải thiện (nam)



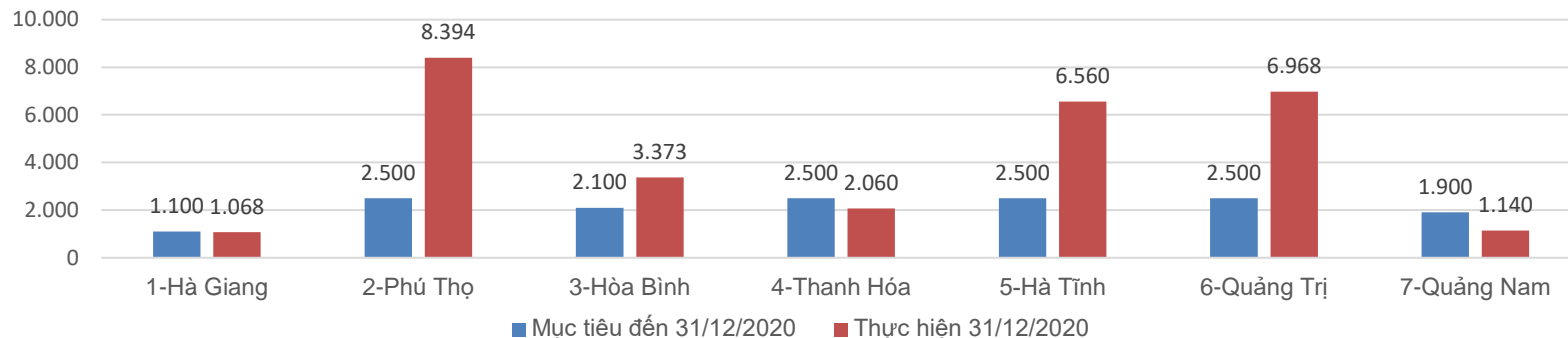
Tỷ lệ TH/KH (%)



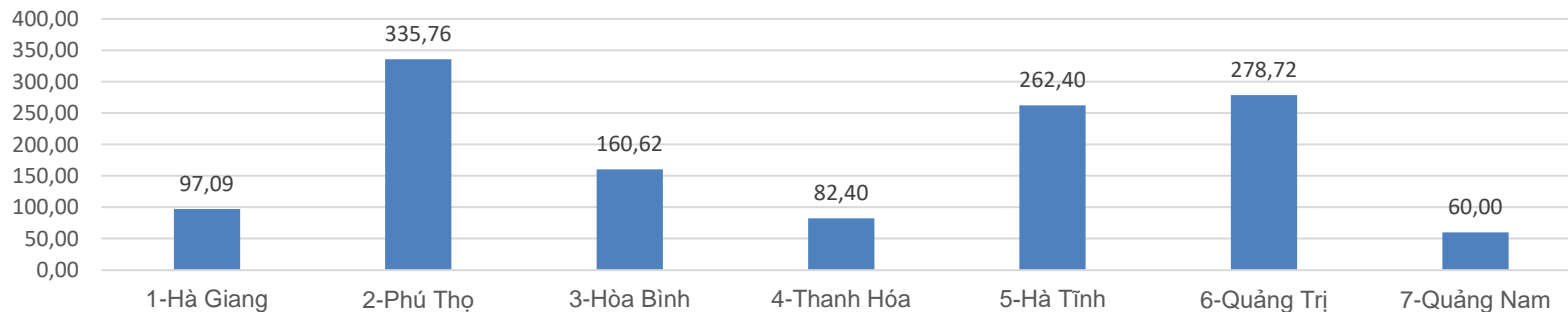
Các chỉ số mục tiêu phát triển theo từng tỉnh

P6 - Số hộ trong vùng dự án áp dụng kỹ thuật sản xuất cải thiện

Số hộ trong vùng dự án áp dụng kỹ thuật sản xuất cải thiện (hộ)



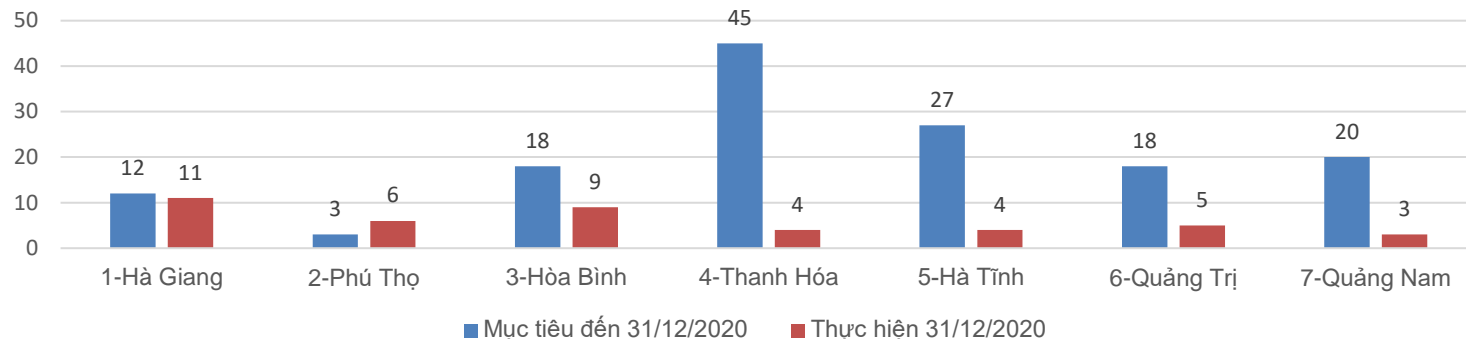
Tỷ lệ TH/KH (%)



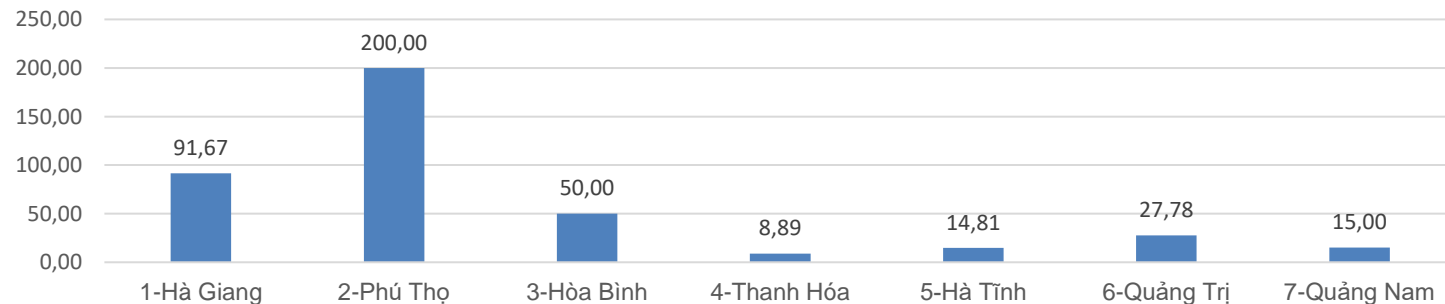
Các chỉ số mục tiêu phát triển theo từng tỉnh

P7 - Số Tổ chức dùng nước được thành lập và/hoặc củng cố

Số Tổ chức dùng nước được thành lập và/hoặc củng cố



Tỷ lệ TH/KH (%)



HP1- Các chỉ số Giám sát – Đánh giá theo từng tỉnh

HP 1.1 - Mỗi tỉnh xây dựng và thực hiện kế hoạch 5 năm và kế hoạch hiện đại hóa nông nghiệp có tưới hàng năm

07 tỉnh dự dự án đã xây dựng và thực hiện kế hoạch 5 năm và kế hoạch hiện đại hóa nông nghiệp có tưới hàng năm, đạt 100% theo kế hoạch

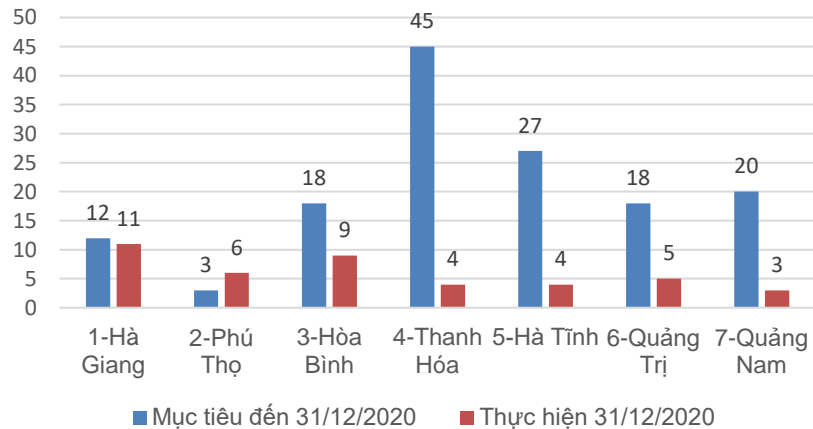
HP 1.2 - Cải thiện hiệu quả hoạt động của Công ty KTCTTL (Thẻ ghi điểm)

- Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của các Công ty Khai thác CTTL đã được xây dựng
- Xây dựng các chỉ tiêu, đề xuất mức điểm tối đa cho từng chỉ tiêu của từng tiêu chí, hướng dẫn cách xác định điểm và dựa theo tổng điểm để xếp hạng CTTN

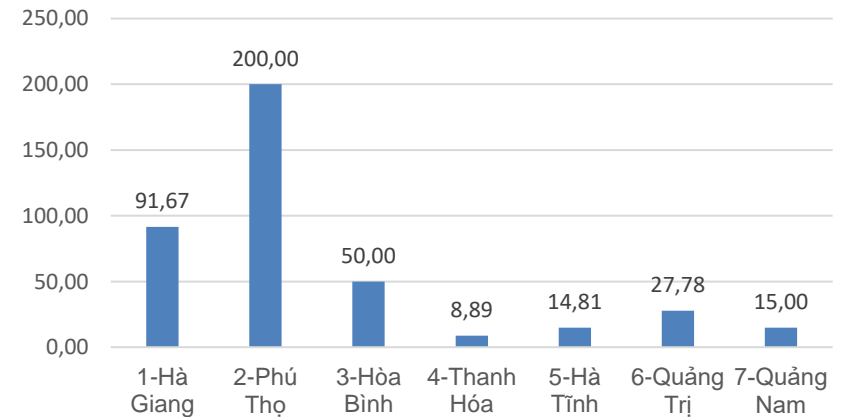
HP1 - Các chỉ số Giám sát – Đánh giá theo từng tỉnh

HP 1.3- Thiết lập và thực hiện các thỏa thuận WUA – PIM

Thiết lập và thực hiện các thỏa thuận WUA – PIM



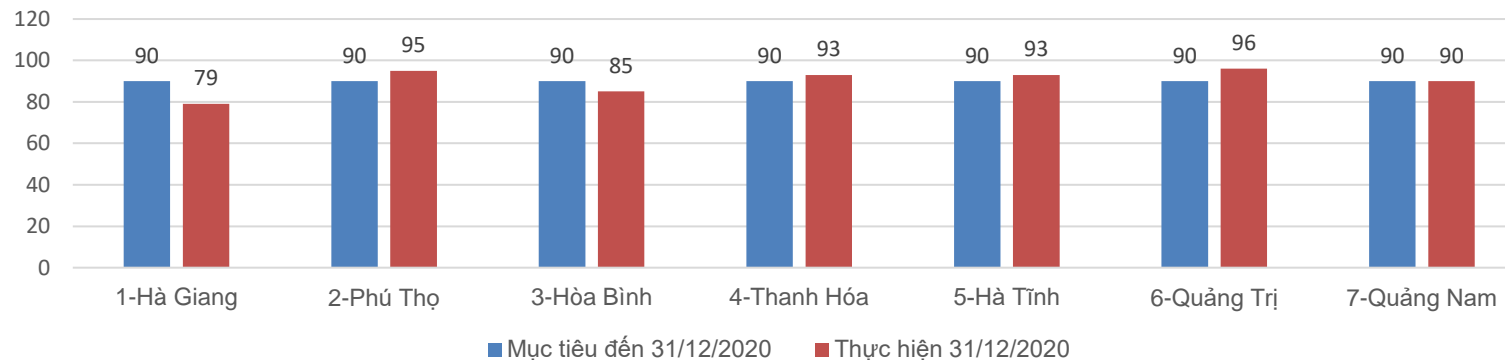
Tỷ lệ TH/KH (%)



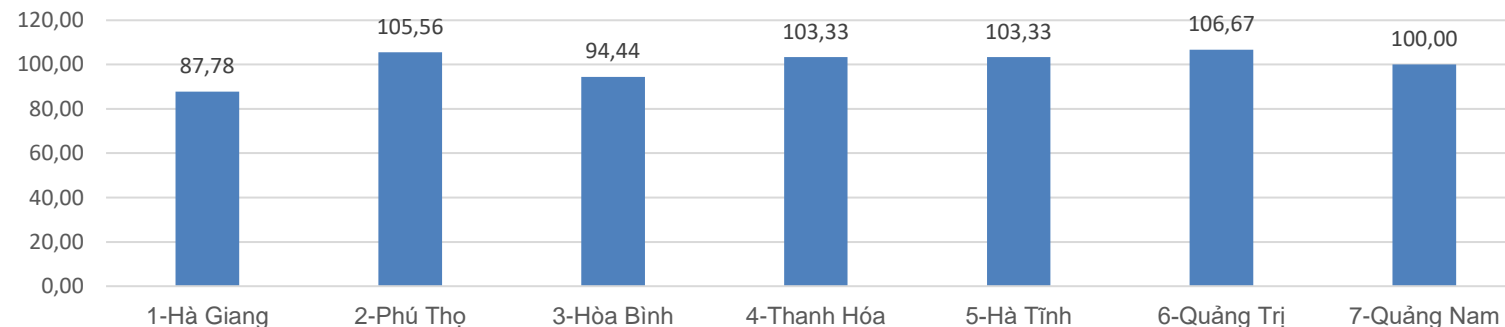
HP1 - Các chỉ số Giám sát – Đánh giá theo từng tỉnh

HP 1.4 - Tỷ lệ gia tăng các WUA hài lòng với dịch vụ mà Công ty KTCTTL cung cấp

Tỷ lệ gia tăng các WUA hài lòng với dịch vụ mà Công ty KTCTTL cung cấp



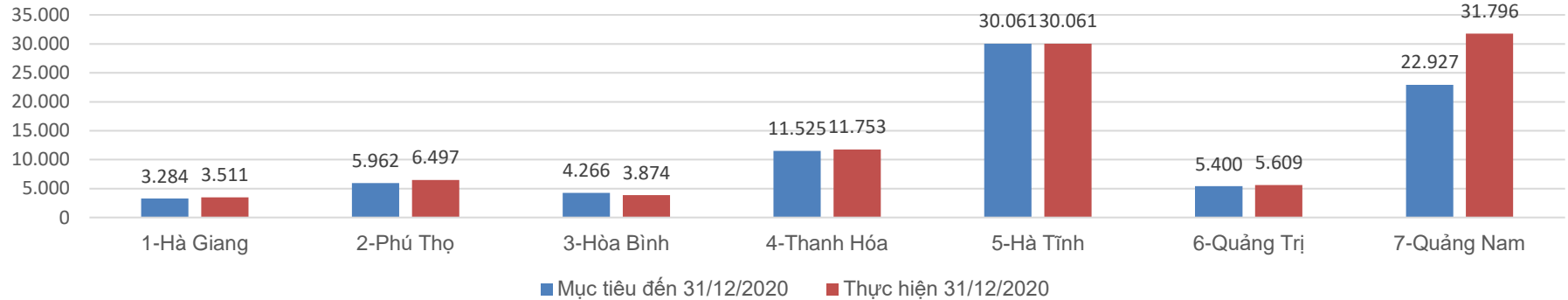
Tỷ lệ TH/KH (%)



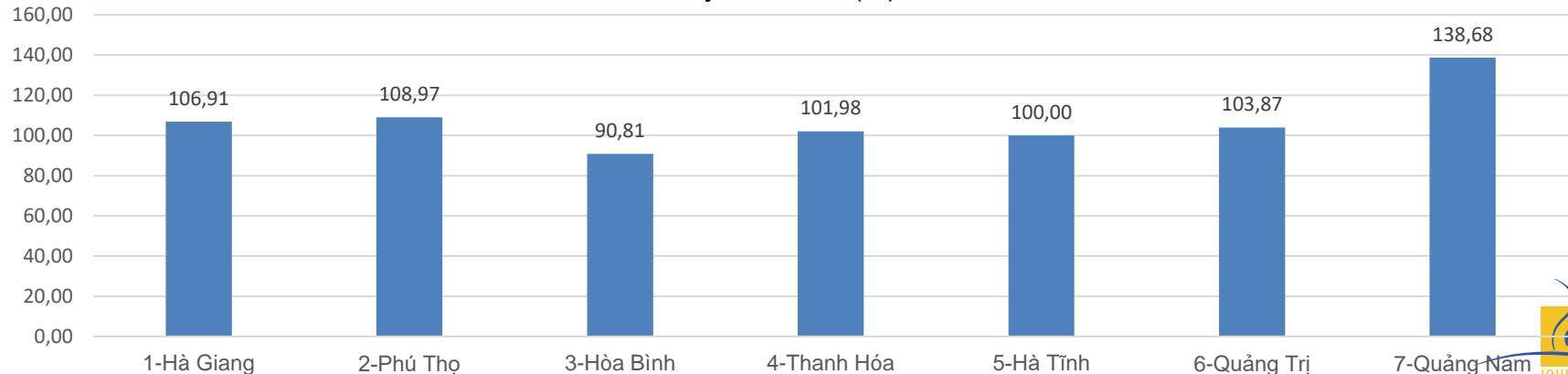
HP2 - Các chỉ số Giám sát – Đánh giá theo từng tỉnh

HP 2.1 - Diện tích được cung cấp dịch vụ tươi tiêu cải thiện

Diện tích được cung cấp dịch vụ tươi tiêu cải thiện



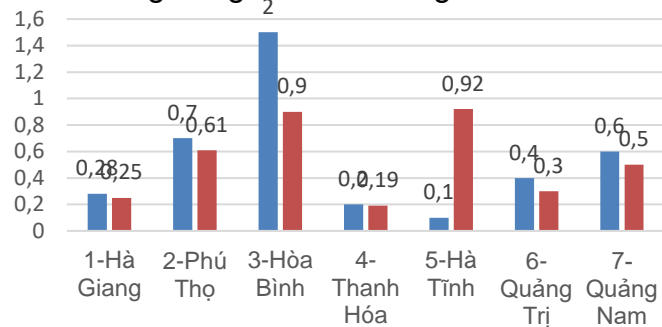
Tỷ lệ TH/KH (%)



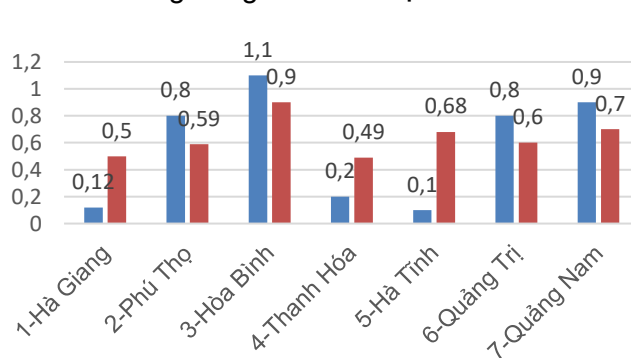
HP2 - Các chỉ số Giám sát – Đánh giá theo từng tỉnh

HP 2.2 - Tăng năng suất cây trồng vùng dự án

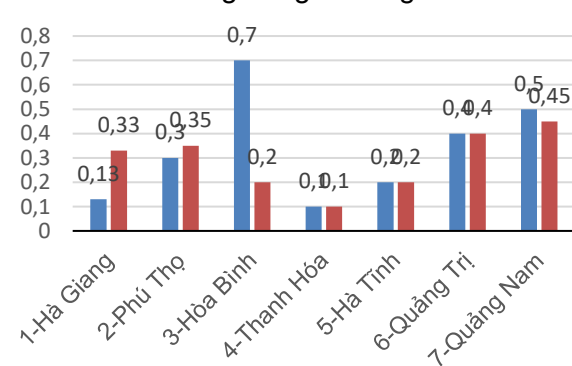
Tăng năng suất lúa Đông Xuân



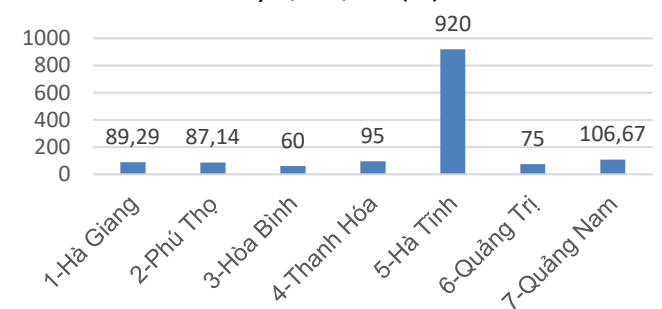
Tăng năng suất Lúa vụ Hè - Thu



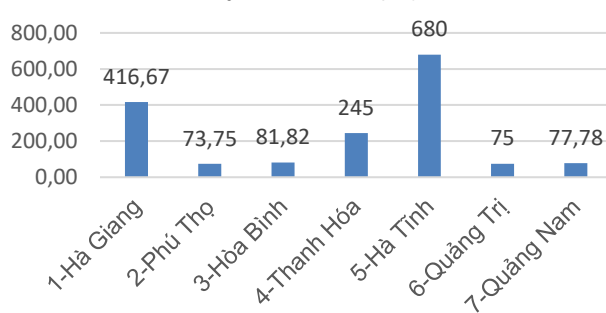
Tăng năng suất ngô



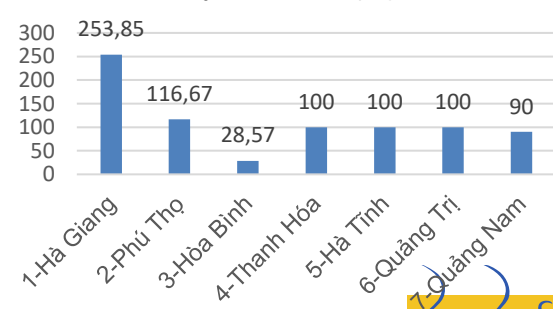
Tỷ lệ TH/KH (%)



Tỷ lệ TH/KH (%)



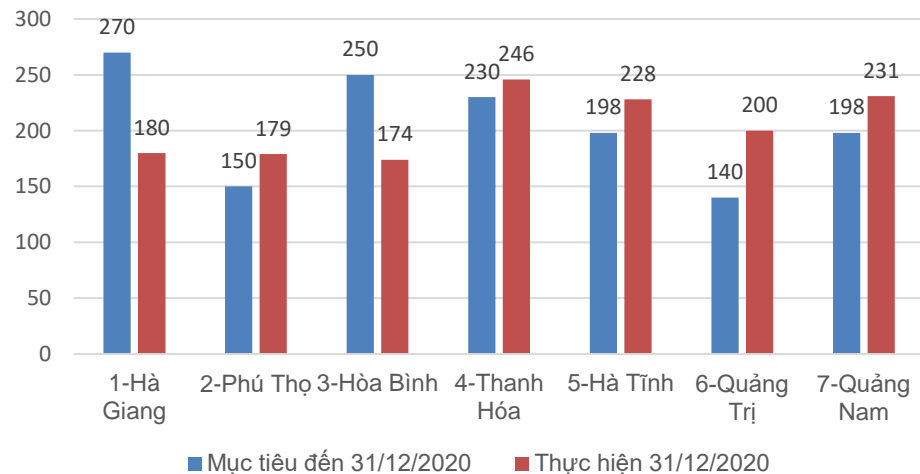
Tỷ lệ TH/KH (%)



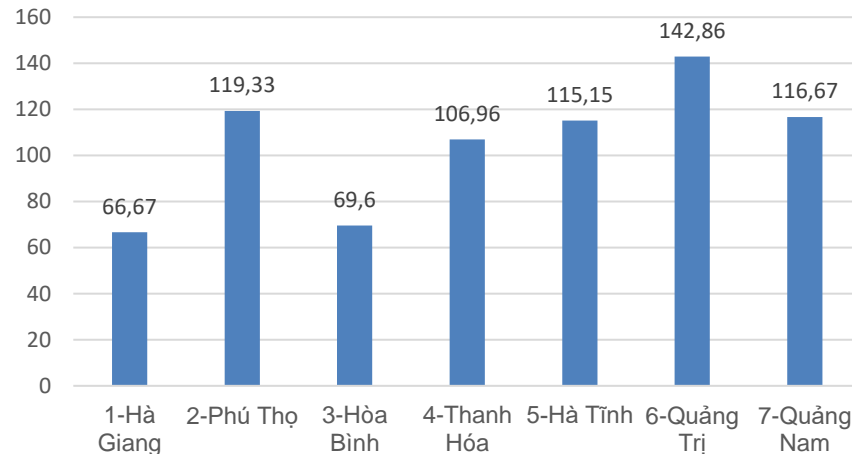
HP2 - Các chỉ số Giám sát – Đánh giá theo từng tỉnh

HP 2.3 - Tăng cường độ tươi

Tăng cường độ tươi



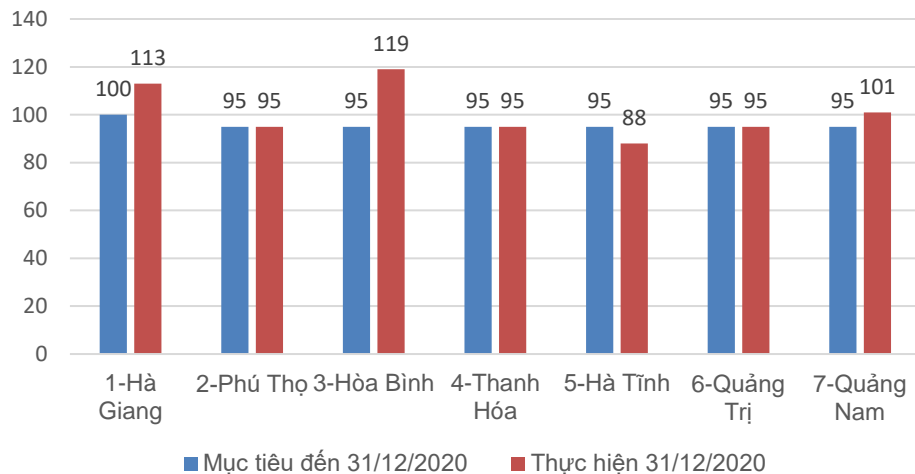
Tỷ lệ TH/KH (%)



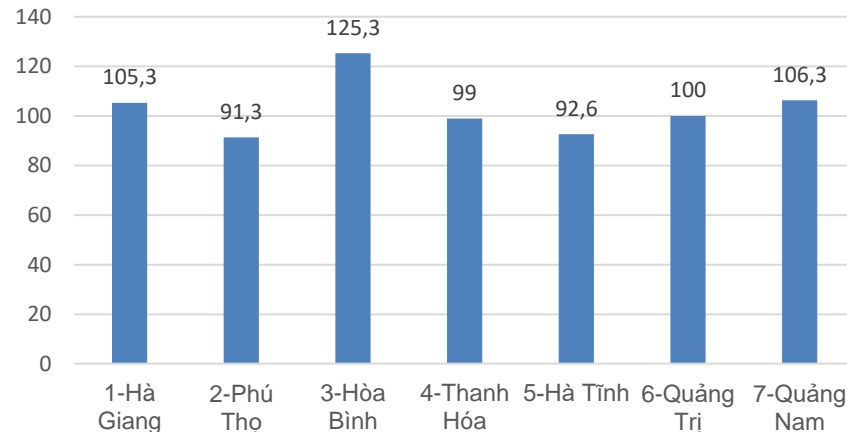
HP3 - Các chỉ số Giám sát – Đánh giá theo từng tỉnh

HP 3.1 - Tổ chức các lớp Đào tạo trên đồng ruộng FFS

Tổ chức các lớp Đào tạo trên đồng ruộng FFS

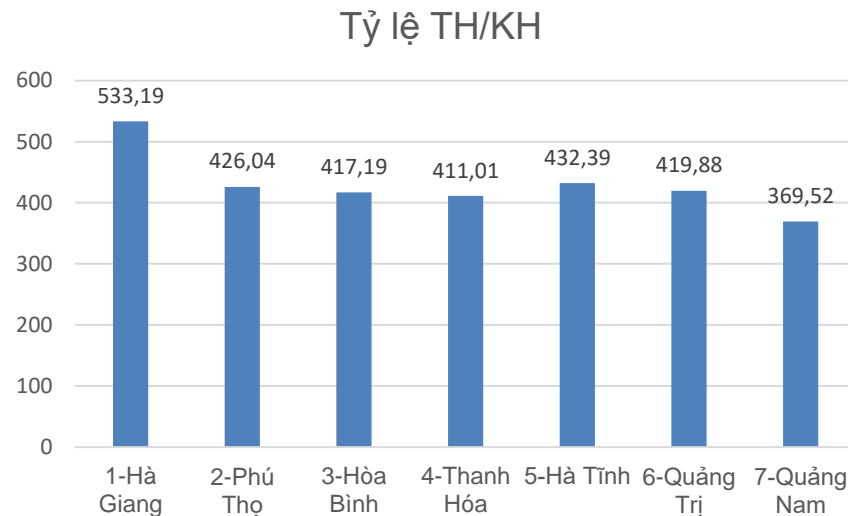
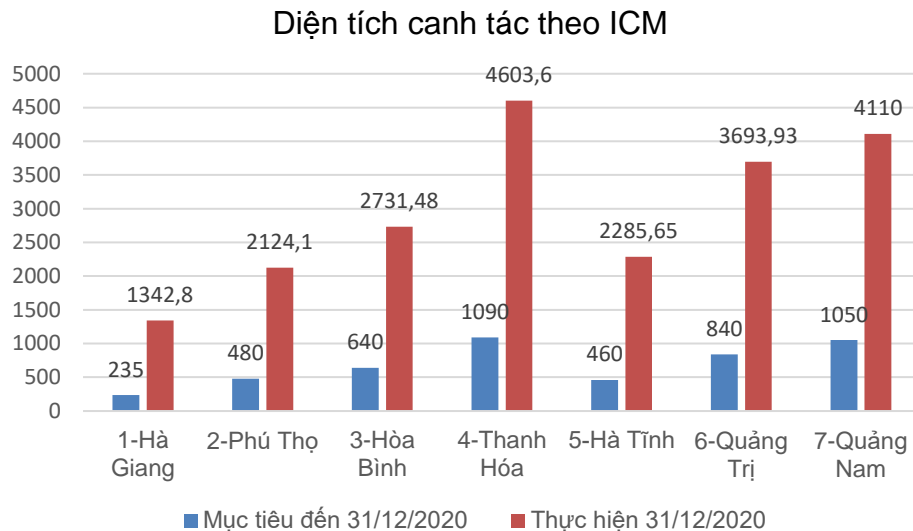


Tỷ lệ TH/KH (%)



HP3 - Các chỉ số Giám sát – Đánh giá theo từng tỉnh

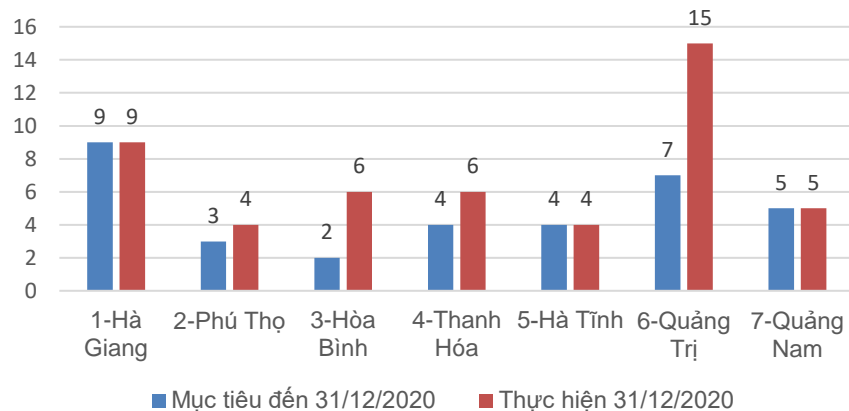
HP 3.2 - Diện tích canh tác theo ICM



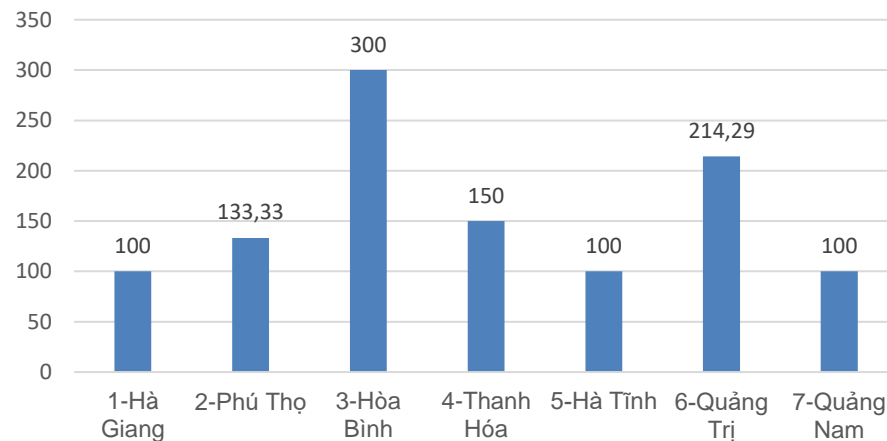
HP3 - Các chỉ số Giám sát – Đánh giá theo từng tỉnh

HP 3.3 - Các mô hình Công nghệ hệ thống canh tác mới được áp dụng

Các mô hình Công nghệ hệ thống canh tác mới được áp dụng



Tỷ lệ TH/KH



Các chỉ số Giám sát – Đánh giá theo từng tỉnh

HP 3.4 - Diện tích tưới nhỏ giọt/tưới phun (ha)

| | Mục tiêu đến 31/12/2020 | Thực hiện 31/12/2020 | Tỷ lệ % |
|-------------|----------------------------|-------------------------|---------|
| 1-Hà Giang | | 12,40 | |
| 2-Phú Thọ | | 74,65 | |
| 3-Hòa Bình | | 77,1 | |
| 4-Thanh Hóa | | 0 | |
| 5-Hà Tĩnh | | 5,82 | |
| 6-Quảng Trị | | 209,50 | |
| 7-Quảng Nam | | 0 | |

Trân trọng cảm ơn !



PEAPROS Consulting JSC.
Floor 4-6, 59 A Ly Thai To, Hoan Kiem, Ba Dinh, Hanoi
Email: admin@peapros.com

